

Bản án số: 02/2018/HSST.  
Ngày 22-01-2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Hòa;

Nghề nghiệp: Nguyên Cán bộ đoàn thị trấn P;

2. Ông Bùi Văn Quang;

Nghề nghiệp: Cán bộ huyện Đoàn Phú Giáo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2017/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trung L, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ 4, ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B; có vợ Bùi Thị Thu T và có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Họ và tên: Võ Văn N, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2000 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 10 ngày) tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N:** Ông Võ Văn T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 2, Ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (là cha mẹ ruột của bị cáo Võ Văn N); có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Văn N:* Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Lê Thanh P, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hàn Thanh H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V2, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp V2, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp V, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Ông Lê Văn Q1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V2, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Bà Cao Thị T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 9, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/6/2017, Nguyễn Trung L, Võ Văn N, Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Tấn L, Hàn Thanh H cùng một số người bạn của L cùng nhau uống rượu tại nhà của H ở ấp V2, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Do nhóm của L không cho Q về nên Q gọi điện cho Lê Thanh P đề nghị P đến nhà H nói chuyện với nhóm của L để xin cho Q về. P liền nói P (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô của P chở P đến nhà H. Đến nơi, P dừng xe trước cửa nhà H đứng đợi còn P đi vào trước hiên nhà của H nói chuyện với L. Trong lúc L, P đang nói chuyện, P quay đầu xe làm rơi cây đao bằng kim loại xuống mặt đường nên H la lớn báo hiệu cho cả nhóm biết P cầm theo hung khí. Lúc này, L chạy ra phía sau nhà H lấy cây rựa (dài

66cm, lưỡi rựa bằng kim loại, dài 30cm; cán rựa bằng gỗ, tròn, dài 36cm) cùng H2, H, L, N đuổi đánh P. P để xe mô tô lại rồi chạy vào khu vực nghĩa địa gần đó trốn, L không tìm thấy P nên quay về nhà H. Khi vừa về đến nhà H, thấy P điều khiển xe mô tô của P chạy ra hướng đường ĐT741, L cầm theo cây rựa, nói N điều khiển xe mô tô biển số 61F1-23746 chở L đuổi theo P để gây thương tích cho P. Khi ra đến đường ĐT741, thấy P đang dừng xe bên lề đường, L nói N dừng xe cho L xuống xe, đi đến chỗ P dùng cây rựa chém hai nhát vào tay trái của P gây thương tích. Sau đó, N và L bỏ đi, P được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 224/2017/GĐPY ngày 20/7/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại Lê Thanh P là 19%.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo thu giữ:

- 01 cây rựa dài 66cm, lưỡi rựa bằng kim loại dài 30cm, rộng 05cm, cán rựa bằng gỗ, tròn, dài 36cm; 01 đoạn gỗ tròn (cây cơ bida) dài 73cm; 01 cây dao bằng kim loại dài 59cm.

- 01 xe mô tô biển số 61F1-237.46. Đây là xe mô tô của ông Võ Văn T1 cho Võ Văn N mượn làm phương tiện đi lại, việc N sử dụng làm phương tiện phạm tội ông T1 không biết. Ngày 27/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã trả lại xe mô tô trên, ông T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

- 01 xe mô tô biển số 61F1-280.78 là xe mô tô của bà Huỳnh Thị Ngọc H đứng tên chủ sở hữu, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 27/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã trả lại xe mô tô trên, bà H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 63/QĐ-KSĐT, ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo Nguyễn Trung L, Võ Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt:

- Bị cáo Nguyễn Trung L mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;
- Bị cáo Võ Văn N mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Lê Thanh P yêu cầu các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần với tổng số tiền 45.000.000 đồng và thừa nhận đã nhận bồi thường của bị cáo L số tiền 25.000.000 đồng và bị cáo N số tiền 5.000.000 đồng; các bị cáo L, N và người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại P. Do đó, buộc các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) phải liên đới bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền 45.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng bị cáo L đã bồi thường và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo N đã bồi thường; các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N là ông Võ Văn

T1 và bà Nguyễn Thị V2) phải tiếp tục liên đới bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 cây rựa, 01 đoạn gỗ tròn, 01 cây đao bằng kim loại là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo L, N thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo gây nên thương tích cho người bị hại Lê Thanh P với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 19%. Các bị cáo thống nhất với tội danh, hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo N là ông Võ Văn T1 thừa nhận quá trình điều tra, truy tố và xét xử có sự tham gia của Luật sư và người đại diện hợp pháp cho bị cáo N, không có ý kiến tội danh, mức hình phạt và phần trách nhiệm dân sự của Viện kiểm sát đã luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo N có ý kiến tranh luận: Thống nhất với tội danh của đại diện Viện kiểm sát đề nghị; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo N vì bị cáo tham gia trong vụ án rất thụ động, bị cáo không hiểu ý chí của bị cáo L sẽ gây thương tích cho người bị hại, bị cáo N nghe lời của bị cáo L nên điều khiển xe chở bị cáo L đi khi bị cáo L đang cầm theo cây rựa; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng thêm các tình tiết như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Lê Thanh P thừa nhận chính các bị cáo có mặt tại phiên tòa đã dùng cây rựa chém gây thương tích và yêu cầu các bị cáo L, N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần với tổng số tiền 45.000.000 đồng, đã nhận bồi thường của các bị cáo L số tiền 25.000.000 đồng, bị cáo N số tiền 5.000.000 đồng; do đó, đề nghị các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo L và N.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 trình bày đã nhận lại xe mô tô 61F1-237.46 nên không có ý kiến và yêu cầu khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàn Thanh H, bà Huỳnh Thị Ngọc H vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra thể hiện đã nhận lại tài sản (đối với H không nhận lại tài sản là cây rựa và cây cơ Bida) và không có yêu cầu khác.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Tấn L thừa nhận không nhìn thấy trực tiếp, không tham gia cùng các bị cáo gây thương tích cho người bị hại nên không có ý kiến.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội đã gây ra cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng 20 giờ ngày 22/6/2017, tại đoạn đường ĐT741 thuộc ấp V2, xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, bị cáo Võ Văn N điều khiển xe mô tô 61F1-23746 chở bị cáo Nguyễn Trung L dùng cây rựa chém hai nhát vào tay trái của người bị hại Lê Thanh P gây thương tích. Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y về thương tích số 224/2017/GDPY ngày 20/7/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại Lê Thanh P là 19%.

Các bị cáo dùng cây rựa là hung khí nguy hiểm dễ gây thương tích cho bị hại P, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố các bị cáo Nguyễn Trung L, Võ Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Chỉ vì nghi ngờ vô cớ mà các bị cáo đã dùng cây rựa chém gây thương tích cho bị hại P làm tổn hại đến sức khỏe của bị hại với tỷ lệ thương tật là 19% là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng rựa chém gây thương tích cho người khác là nguy hiểm sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật, bất chấp hậu quả gây ra cho người bị hại. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm gián đơn. Bị cáo L là người xúi giục bị cáo N chở đi gây thương tích vừa là người trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nên bị cáo L giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo N là người chở bị cáo L đi gây thương tích cho bị hại nên bị cáo N giữ vai trò là người giúp sức.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo L xúi giục bị cáo N chở bị cáo L đi gây thương tích cho bị hại nên hành vi của bị cáo L đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đối với bị cáo N

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội khi chưa thành niên; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L theo quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; bị cáo N theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 69, 74 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Do bị cáo Võ Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội khi chưa thành niên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhân thân tốt, bị cáo bị xử phạt tù không quá 3 năm về tội nghiêm trọng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, giáo dục và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội, khi quyết định hình phạt không cần cách ly bị cáo N ra khỏi xã hội, vì thế Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 47, 60 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N; đối với bị cáo L giữ vai trò chính trong vụ án nên không áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo N về tội danh, tình tiết giảm nhẹ của Viện kiểm sát là phù hợp có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo N là không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị cáo N là ông Võ Văn T1 là phù hợp có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của người bị hại yêu cầu các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo N mức bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là phù hợp nên chấp nhận.

Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu các bị cáo L, N bồi thường chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần số tiền 45.000.000 đồng; các bị cáo L, N (người đại diện của bị cáo N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại P; Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và người đại diện của bị cáo N với người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận. Do đó, buộc các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) phải liên đới bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền 45.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng bị cáo L đã bồi thường và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo N đã bồi thường; các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Văn N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) phải tiếp tục liên đới bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền 15.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây rựa dài 66cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, rộng 05cm, cán bằng gỗ tròn dài 36cm; 01 (một) đoạn gỗ tròn (cây cơ bida) dài 73cm; 01 (một) cây đao bằng kim loại dài 59cm, cán dao có quấn vải, do không còn giá trị sử dụng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung L, Võ Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/12/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 47, 53, 60, 69 và Điều 74 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2018).

Giao bị cáo Võ Văn N cho Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Văn N thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 quy định để giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại P số tiền 45.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng bị cáo L đã bồi thường, số tiền 5.000.000 đồng bị cáo N đã bồi thường; các bị cáo L, N (người đại diện hợp pháp của bị cáo N là ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị V2) có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho người bị hại P số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây rựa dài 66cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, rộng 05cm, cán bằng gỗ tròn dài 36cm; 01 (một) đoạn gỗ tròn (cây cơ bida) dài 73cm; 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 59cm, cán dao có quần vải.

Các vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2017.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo Nguyễn Trung L, Võ Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Trung L, Võ Văn N phải liên đới chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Phú Giáo;
- Công an H. Phú Giáo;
- Chi cục THADS H. Phú Giáo;
- UBND xã V1, H. Phú Giáo;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Duyên**